

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 8 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Lập
2. Bà Đỗ Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị Ánh T, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm , xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Viết H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn 1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lương Thị Ánh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Viết H qua tìm hiểu, yêu thương lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục tại địa phương, làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th vào ngày 08/8/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm thì không còn

hạnh phúc, mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, anh H không quan tâm đến vợ con, ham chơi nên rơi vào cảnh nợ nần làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Gia đình hai bên có khuyên bảo và chị cũng đã cố gắng chịu đựng để nuôi con mong anh H thay đổi, nhưng anh H không thay đổi mà mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, thường xuyên xảy ra cãi vã, đã có lần anh H còn đánh chị, nên chị đã về bên nhà bố mẹ để sinh sống, từ tháng 5/2020 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thanh T2, sinh ngày 29/10/2013 và cháu Lê Việt A, sinh ngày 05/11/2015 hiện đang ở với chị T. Nguyên vọng của chị T là xin được trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Tại đơn khởi kiện chị T có ý kiến yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung; tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T thay đổi quan điểm, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T trình bày hiện chị đang làm việc tại Trường mầm non Nobel Yên Định với mức thu nhập hàng tháng 7.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện kinh tế, thời gian để nuôi con trưởng thành.

Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Việt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T lấy nhau do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới và làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào ngày 08/8/2012. Quá trình chung sống vợ chồng rất yêu thương, đùm bọc và thông cảm cho nhau vượt qua nhiều khó khăn. Nhưng thời gian gần đây kinh tế gia đình gặp khó khăn do anh làm ăn thua lỗ, dính phải nợ nần, công việc bị trục trặc dẫn đến phải thôi việc và những vấn đề khác không vui trong gia đình, nên giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã, hiểu lầm cho nhau, chị T mới làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, anh vẫn đang còn rất thương yêu vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn, anh muốn chị T suy nghĩ lại và mong Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh H xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thanh T2, sinh ngày 29/10/2013 và cháu Lê Việt A, sinh ngày 05/11/2015. Quan điểm của anh H là anh không đồng ý ly hôn, nên anh không ý kiến về vấn đề nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 05/7/2021, đại diện Ủy ban nhân xã Th cho biết: Chị Lương Thị Ánh T và anh Lê Việt H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào ngày 08/8/2012. Quá trình chung sống với nhau tại địa phương vợ chồng có mâu thuẫn hay không và nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ. Hiện nay chị T không còn chung sống cùng gia đình anh H. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thanh T2, sinh ngày 29/10/2013 và cháu Lê Đăng Khôi, sinh ngày 05/11/2015 (Ngày 15/12/2017 đã thay đổi tên thành Lê Việt A), hiện

đang ở với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Ánh T đối với anh Lê Viết H. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thanh T2, sinh ngày 29/10/2013 và Lê Việt A, sinh ngày 05/11/2015 cho chị Lương Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Lê Viết H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Lương Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị Ánh T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Viết H, cư trú tại: Thôn 1, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lê Viết H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Ánh T và anh Lê Viết H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Th cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/8/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc; Tuy nhiên từ năm 2017 thì tình cảm giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, nên giữa vợ chồng không còn có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau mà thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ năm 2020 vợ chồng đã ly thân đến nay, gia đình hai bên có khuyên bảo, hòa giải cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, chị T một mực đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn; còn anh H có ý kiến không đồng

ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức nhiều buổi hòa giải nhưng không có kết quả, từ sau buổi hòa giải ngày 02/4/2021 anh H đã không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên hòa giải tiếp theo và các phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Lương Thị Ánh T được ly hôn với anh Lê Viết H.

[3] Về con chung: Chị Lương Thị Ánh T và anh Lê Viết H đều xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thanh T2, sinh ngày 29/10/2013 và cháu Lê Việt A, sinh ngày 05/11/2015, hiện đang ở với chị T.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T có nguyện vọng tha thiết xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; Anh H không trình bày quan điểm về vấn đề nuôi con chung sau ly hôn. Hội đồng xét xử, thấy rằng: Hai con chung đều đang ở ổn định với chị T, được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt từ sau khi vợ chồng ly thân đến nay; Cháu T2 cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với mẹ; Cháu Khôi thì đang còn nhỏ ở độ tuổi học mẫu giáo, bản thân chị T là giáo viên, có đủ các điều kiện để chăm sóc tốt cho các con. Trong khi anh H hiện tại công việc không ổn định, đi làm xa, nếu giao con cho anh H nuôi dưỡng sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc chăm sóc con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cả 02 con chung cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T khẳng định có đủ các điều kiện để nuôi con và có ý kiến không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; Xét đây là sự tự nguyện của chị T và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Lương Thị Ánh T và anh Lê Viết H đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Lương Thị Ánh T được ly hôn với anh Lê Viết H.

2. *Về con chung*: Chị Lương Thị Ánh T và anh Lê Viết H có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thanh T2, sinh ngày 29/10/2013 và cháu Lê Việt A, sinh ngày 05/11/2015.

Giao các cháu Lê Thanh T2 và Lê Việt A cho chị Lương Thị Ánh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Viết H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Viết H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Lương Thị Ánh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006379 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Chị Lương Thị Ánh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến